

Số: 573 /XMST-KHCL

V/v mời chào giá

gói mua sắm: Mở rộng bãi chứa nguyên,
nhiên liệu phục vụ dây truyền đốt rác

Phủ Thọ, ngày 29 tháng 5 năm 2020

Kính gửi: Các nhà cung cấp tham gia chào giá.

Gói mua sắm: Mở rộng bãi chứa nguyên, nhiên liệu phục vụ dây truyền đốt rác
(Ký hiệu: XMST/2020/MRBC).

Công ty Cổ phần xi măng Vicem Sông Thao có nhu cầu chào giá cạnh tranh gói mua sắm: Mở rộng bãi chứa nguyên, nhiên liệu phục vụ dây truyền đốt rác (Ký hiệu: XMST/2020/MRBC) (chi tiết yêu cầu trong thư mời chào giá cạnh tranh gửi kèm).

Được biết quý Công ty là đơn vị có đủ năng lực thực hiện gói mua sắm. Công ty Cổ phần xi măng Vicem Sông Thao trân trọng mời Quý công ty xem xét và gửi thư chào giá theo nội dung yêu cầu tại thư mời chào giá.

Thời điểm hết hạn nộp thư báo giá: **Hồi 10h00', ngày 05/6/2020.**

Thư báo giá sẽ được mở công khai vào: **Hồi 10h15', ngày 05/6/2020.**

Các văn bản hướng dẫn liên quan đến thư chào giá đã được Công ty cổ phần xi măng VICEM Sông Thao đăng trên Website địa chỉ (<https://www.ximangsongthao.com.vn>) mục mua sắm.

Điện thoại liên hệ Mr Huân: 0983.222980.

Rất mong nhận được sự quan tâm, hợp tác của Quý Công ty./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BGĐ (b/c);
- KHCL;
- Lưu: VT, KHCL.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Anh Tuấn

**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO**

----- o0o -----

THƯ MỜI CHÀO GIÁ CẠNH TRANH

(Ký hiệu gói mua sắm: XMST/2020/MRBC)

**Tên gói mua sắm: Mở rộng bãi chứa nguyên, nhiên liệu
phục vụ dây truyền đốt rác**

Bên mời chào giá: Công ty Cổ phần xi măng Vicem Sông Thao

Phú Thọ, tháng 6/2020

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO

----- o0o -----

THƯ MỜI CHÀO GIÁ CẠNH TRANH

Ký hiệu gói mua sắm:	XMST/2020/MRBC
Tên gói mua sắm:	Mở rộng bãi chứa nguyên, nhiên liệu phục vụ dây truyền đốt rác
Phương án mua sắm:	Mở rộng bãi chứa nguyên, nhiên liệu phục vụ dây truyền đốt rác


PHÒNG KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC
Trưởng Phòng


Bùi Thu Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG
VICEM SÔNG THAO

KT/ TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Anh Tuấn

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

TMCGCT	Thư mời chào giá cạnh tranh
TCG	Thư chào giá
VND	Đồng Việt Nam
Chủ đầu tư, Bên mời chào giá	Công ty Cổ phần xi măng Vicem Sông Thao
NCC	Nhà cung cấp, là đơn vị tham gia chào giá gói mua sắm này

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ CUNG CẤP

Mục 1. Phạm vi gói mua sắm

1. Công ty Cổ phần xi măng Vicem Sông Thao mời Nhà cung cấp tham gia chào giá cạnh tranh gói mua sắm được mô tả tại Chương IV – Yêu cầu đối với gói mua sắm.

- Tên gói mua sắm: Mở rộng bãi chứa nguyên, nhiên liệu phục vụ dây truyền đốt rác (ký hiệu: XMST/2020/MRBC).

2. Nguồn vốn để thực hiện gói mua sắm: Vốn SXKD năm 2020.

3. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

4. Thời gian thực hiện hợp đồng: 30 ngày.

Mục 2. Hành vi bị cấm trong chào giá.

Được quy định cụ thể và đăng trên trang web của Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao mục Mua sắm => Văn bản hướng dẫn.

Mục 3. Tư cách hợp lệ của nhà cung cấp

Nhà cung cấp là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;

2. Hạch toán tài chính độc lập;

3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;

4. Bảo đảm cạnh tranh trong tham gia chào giá:

Nhà cung cấp nộp Thư chào giá phải độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính với Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao và các nhà cung cấp khác cùng tham dự chào giá gói mua sắm này.

Mục 4. Làm rõ, sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh

1. Làm rõ Thư mời chào giá cạnh tranh.

Trong trường hợp cần làm rõ Thư mời chào giá cạnh tranh, nhà cung cấp phải gửi văn bản đề nghị làm rõ đến bên mời chào giá muộn nhất 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá. Khi nhận được đề nghị làm rõ Thư mời chào giá cạnh tranh của nhà cung cấp, bên mời chào giá sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà cung cấp có yêu cầu làm rõ và tất cả các nhà cung cấp khác đã nhận Thư mời chào giá cạnh tranh từ bên mời chào giá cạnh tranh, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà cung cấp đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh thì bên mời chào giá tiến hành sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh theo thủ tục quy định tại Khoản 2 Mục này.

2. Sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh.

Trường hợp sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh, bên mời chào giá sẽ gửi những nội dung sửa đổi đến tất cả các nhà cung cấp đã nhận Thư mời chào giá cạnh tranh không muộn 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm hết hạn, trường hợp không đủ 03 ngày làm việc thì bên mời chào giá sẽ gia hạn thời điểm hết hạn nộp Thư mời chào giá cạnh tranh tương ứng.

Nhằm giúp nhà cung cấp có đủ thời gian để sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh, bên mời chào giá có thể gia hạn thời điểm hết hạn nộp Thư mời chào giá cạnh tranh theo quy định tại khoản 1 Mục 11 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp bằng việc sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh.

Mục 5. Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ trong chào giá

1. Nhà cung cấp phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự chào giá.

2. Đồng tiền tham dự chào giá và đồng tiền thanh toán là VND.

3. Thư chào giá cũng như tất cả văn bản và các tài liệu liên quan đến Thư chào giá được trao đổi giữa bên mời chào giá và nhà cung cấp phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu hỗ trợ trong Thư chào giá có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, bên mời chào giá có thể yêu cầu nhà cung cấp gửi bổ sung.

Mục 6. Thành phần của Thư chào giá

Thư chào giá do nhà cung cấp chuẩn bị phải bao gồm:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương III – Biểu mẫu;

2. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn chào hàng, của nhà cung cấp.

3. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà cung cấp (*Nhà cung cấp nộp tài liệu bản công chứng bao gồm: Báo cáo tài chính năm 2018; 2019 và 02 hợp đồng có tính chất tương tự như gói mua sắm trong các năm 2018;2019;2020 theo (Mẫu số 05 Chương III – Biểu mẫu) đảm bảo giá trị hợp đồng $\geq 0,5$ tỷ đồng;*

4. Bảng tổng hợp giá chào theo Mẫu số 03 Chương III – Biểu mẫu;

5. Bản cam kết thực hiện gói mua sắm theo Mẫu số 04 Chương III – Biểu mẫu

6. Bản cam kết về chất lượng, điều kiện nghiệm thu, thời gian thực hiện hợp đồng, theo yêu cầu tại mục 3. Yêu cầu kỹ thuật và điều kiện nghiệm thu thuộc Chương II: Tiêu chuẩn đánh giá Thư chào giá.

7. Dự thảo hợp đồng và các tài liệu khác có liên quan.

Mục 7. Giá chào và giảm giá

1. Giá chào ghi trong đơn chào hàng bao gồm toàn bộ chi phí để thực hiện gói mua sắm (chưa tính giảm giá) theo yêu cầu của Thư mời chào giá cạnh tranh.

2. Nhà cung cấp phải nộp Thư chào giá thực hiện cho gói mua sắm nêu tại Mục 1 Chương này và ghi đơn giá, thành tiền cho các công việc nêu trong các bảng giá tương ứng quy định tại Chương III - Biểu mẫu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà cung cấp không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà cung cấp đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói mua sắm, nhà cung cấp phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong Thư mời chào giá với đúng giá đã chào.

3. Trường hợp nhà cung cấp có đề xuất giảm giá thì có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng hoặc đề xuất riêng trong thư giảm giá. Trường hợp giảm giá, nhà cung cấp phải nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục. Trường hợp có thư giảm giá thì thư giảm giá có thể để cùng trong Thư chào giá hoặc nộp riêng song phải bảo đảm bên mời chào giá nhận được trước thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá. Thư giảm giá sẽ được bên mời chào giá bảo quản như một phần của Thư chào giá và được mở đồng thời cùng Thư chào giá của nhà cung cấp; trường hợp thư giảm giá không được mở cùng Thư chào giá và không được ghi vào biên bản mở Thư chào giá thì không có giá trị.

4. Giá chào của nhà cung cấp phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá theo quy định. Trường hợp nhà cung cấp tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì Thư chào giá của nhà cung cấp sẽ bị loại.

Mục 8. Thời gian có hiệu lực của Thư chào giá.

1. Thời gian có hiệu lực của Thư chào giá là **40 ngày, kể từ ngày hết hạn nộp thư chào giá**. TCG nào có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ không được tiếp tục xem xét, đánh giá.

2. Trong trường hợp cần thiết trước khi hết thời hạn hiệu lực của Thư chào giá, bên mời chào giá có thể đề nghị các nhà cung cấp gia hạn hiệu lực của Thư chào giá. Việc gia hạn, chấp nhận hoặc không chấp nhận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản. Nếu nhà cung cấp không chấp nhận việc gia hạn thì Thư chào giá của nhà cung cấp này không được xem xét tiếp. Nhà cung cấp chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của Thư chào giá.

Mục 9. Quy cách Thư chào giá

1. Nhà cung cấp phải chuẩn bị **01 bản gốc** cùng **02 bản chụp** Thư chào giá đồng thời ghi bên ngoài hồ sơ và túi đựng tương ứng là “**BẢN GỐC THƯ CHÀO GIÁ**”, “**BẢN CHỤP THƯ CHÀO GIÁ**”.

Trường hợp sửa đổi, thay thế Thư chào giá thì nhà cung cấp phải chuẩn bị 01 bản gốc và các bản chụp hồ sơ sửa đổi, thay thế với số lượng bằng số lượng bản chụp Thư chào giá đã nộp. Trên trang bìa của các hồ sơ và túi đựng tương ứng phải ghi rõ “**BẢN GỐC THƯ CHÀO GIÁ SỬA ĐỔI**”, “**BẢN CHỤP THƯ CHÀO GIÁ SỬA ĐỔI**”, “**BẢN GỐC THƯ CHÀO GIÁ THAY THẾ**”, “**BẢN CHỤP THƯ CHÀO GIÁ THAY THẾ**”.

2. Túi đựng Thư chào giá, Thư chào giá sửa đổi, Thư chào giá thay thế của nhà cung cấp phải được niêm phong và ghi rõ tên gói mua sắm, tên nhà cung cấp, tên bên mời chào giá. Bên mời chào giá có trách nhiệm bảo mật thông tin trong Thư chào giá của nhà cung cấp.

3. Tất cả các thành phần của Thư chào giá nêu tại Mục 6 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp phải được ký bởi người đại diện hợp pháp của nhà cung cấp và kèm theo Giấy ủy quyền hợp lệ (nếu ủy quyền) theo quy định tại Chương III – Biểu mẫu.

4. Nhà cung cấp phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà cung cấp thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà cung cấp thì Thư chào giá của nhà cung cấp bị loại.

5. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn chào hàng.

Mục 10. Nộp, rút, thay thế và sửa đổi Thư chào giá

1. Nhà cung cấp nộp trực tiếp hoặc gửi Thư chào giá theo đường bưu điện đến địa chỉ của Bên mời chào giá nhưng phải đảm bảo Bên mời chào giá nhận được trước thời điểm hết hạn nộp thư chào giá **quy định tại văn bản mời chào giá**.

2. Bên mời cung cấp sẽ tiếp nhận Thư chào giá của tất cả nhà cung cấp nộp Thư chào giá trước thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá, kể cả trường hợp nhà cung cấp chưa nhận Thư mời chào giá cạnh tranh trực tiếp từ bên mời chào giá. Trường hợp nhà cung cấp nộp Thư chào giá sau thời điểm hết hạn nộp Thư mời chào giá cạnh tranh thì Thư chào giá bị loại và được trả lại nguyên trạng cho nhà cung cấp.

3. Sau khi nộp, nhà cung cấp có thể rút lại Thư chào giá bằng cách gửi văn bản thông báo có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà cung cấp đến bên mời chào giá trước thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá.

Trước thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá, nếu cần sửa đổi hoặc thay thế Thư chào

giá thì nhà cung cấp nộp Thư chào giá thay thế hoặc Thư chào giá sửa đổi cho bên mời chào giá với cách ghi thông tin nêu tại khoản 1, khoản 2 Mục 10 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp.

Mục 11. Mở Thư chào giá

1. Thư chào giá sẽ được mở công khai vào thời điểm **quy định tại văn bản mời chào giá** tại Công ty Cổ phần xi măng Vicem Sông Thao, Khu 9 xã Ninh Dân huyện Thanh Ba tỉnh Phú Thọ trước sự chứng kiến của các nhà thầu tham dự lễ mở thư chào giá. Việc mở thư chào giá không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của đại diện nhà thầu tham dự chào giá.

2. Việc mở Thư chào giá được thực hiện đối với từng Thư chào giá theo thứ tự chữ cái tên của nhà cung cấp và theo trình tự sau đây:

a) Kiểm tra niêm phong;

b) Mở bản gốc Thư chào giá và đọc to, rõ tối thiểu những thông tin sau: tên nhà cung cấp, bản gốc, số lượng bản chụp, giá chào ghi trong đơn và bảng tổng hợp giá chào, giá trị giảm giá (nếu có), thời gian có hiệu lực của Thư chào giá, thời gian thực hiện hợp đồng và các thông tin khác mà bên mời chào giá thấy cần thiết. Chỉ những thông tin về giảm giá được đọc trong lễ mở Thư chào giá mới được tiếp tục xem xét và đánh giá;

c) Đại diện của bên mời chào giá phải ký xác nhận vào bản gốc đơn chào hàng, giấy ủy quyền, bảng tổng hợp giá chào, thư giảm giá (nếu có), bản cam kết thực hiện gói mua sắm. Bên mời chào giá không được loại bỏ bất kỳ Thư chào giá nào khi mở Thư chào giá, trừ các Thư chào giá nộp sau thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá.

3. Bên mời chào giá phải lập biên bản mở Thư chào giá trong đó bao gồm các thông tin quy định tại khoản 2 Mục này. Biên bản mở Thư chào giá phải được ký xác nhận bởi đại diện của bên mời chào giá và các nhà cung cấp tham dự lễ mở Thư chào giá. Việc thiếu chữ ký của nhà cung cấp trong biên bản sẽ không làm cho biên bản mất ý nghĩa và mất hiệu lực. Biên bản mở Thư chào giá sẽ được gửi cho tất cả các nhà cung cấp tham dự chào giá.

Mục 12. Làm rõ Thư chào giá

1. Sau khi mở Thư chào giá, nhà cung cấp có trách nhiệm làm rõ Thư chào giá theo yêu cầu của bên mời chào giá, bên mời chào giá sẽ có văn bản yêu cầu nhà cung cấp làm rõ Thư chào giá của nhà cung cấp.

2. Nhà cung cấp được tự gửi tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của mình đến bên mời chào giá sau 01 ngày kể từ thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá. Bên cung cấp có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà cung cấp để xem xét, đánh giá; các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm được coi như một phần của Thư chào giá.

3. Việc làm rõ phải bảo đảm không làm thay đổi bản chất của nhà cung cấp, không làm thay đổi nội dung cơ bản của Thư chào giá đã nộp và không thay đổi giá chào.

Mục 13. Đánh giá Thư chào giá

Việc đánh giá Thư chào giá được thực hiện theo quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá Thư chào giá. Nhà cung cấp có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá thấp nhất được xét duyệt lựa chọn nhà cung cấp.

Mục 14. Điều kiện xét duyệt lựa chọn nhà cung cấp

Nhà cung cấp được đề nghị lựa chọn cung cấp khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có Thư chào giá hợp lệ;

2. Có Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn chào hàng, của nhà cung

cấp hợp lệ.

3. Có Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà cung cấp: Báo cáo tài chính năm 2018; 2019 đảm bảo giá trị tài sản ròng phải dương và 02 hợp đồng có tính chất tương tự như gói mua sắm trong các năm 2018; 2019; 2020 theo (Mẫu số 05 Chương III – Biểu mẫu) đảm bảo giá trị hợp đồng $\geq 0,5$ tỷ đồng;

4. Các nội dung về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 3 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá Thư chào giá;

5. Có sai lệch thiếu không quá 10% giá chào;

6. Có giá chào thấp nhất;

7. Có giá đề nghị cung cấp không vượt giá gói mua sắm được phê duyệt.

Mục 15. Thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp

1. Kết quả lựa chọn nhà cung cấp sẽ được gửi đến tất cả nhà cung cấp tham dự chào giá theo đường bưu điện, fax và đăng tải kết quả lựa chọn nhà cung cấp trên trang Web của Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao và/hoặc phương tiện thông tin đại chúng khác sau 03 ngày kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp.

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn cung cấp, nếu nhà cung cấp không được lựa chọn có văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong thời gian tối đa 05 ngày làm việc nhưng phải trước ngày ký hợp đồng, bên mời cung cấp sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà cung cấp.

Mục 16. Điều kiện ký kết hợp đồng

1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, Thư chào giá của nhà cung cấp được lựa chọn còn hiệu lực.

2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà cung cấp được lựa chọn phải bảo đảm vẫn đáp ứng yêu cầu về năng lực để thực hiện gói mua sắm. Trường hợp cần thiết, chủ đầu tư tiến hành xác minh thông tin về năng lực, kinh nghiệm của nhà cung cấp theo quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá Thư chào giá. Kết quả xác minh khẳng định là nhà cung cấp vẫn đáp ứng năng lực để thực hiện gói mua sắm thì mới tiến hành ký kết hợp đồng. Nếu kết quả xác minh cho thấy tại thời điểm xác minh, thực tế nhà cung cấp không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm quy định trong Thư mời chào giá cạnh tranh thì nhà cung cấp sẽ bị từ chối ký kết hợp đồng. Khi đó, chủ đầu tư sẽ hủy quyết định trúng cung cấp trước đó và mời nhà cung cấp xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng.

3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về, vốn thanh toán, mặt bằng thực hiện và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói mua sắm theo đúng tiến độ.

Mục 17. Thay đổi khối lượng hàng hóa

Vào thời điểm ký kết hợp đồng, bên mời chào giá có quyền tăng hoặc giảm khối lượng hàng hóa và dịch vụ nêu tại Chương IV – Yêu cầu đối với gói mua sắm với điều kiện không có bất kỳ thay đổi nào về đơn giá hay các điều kiện, điều khoản khác của Thư mời chào giá cạnh tranh và Thư chào giá.

Mục 18. Giải quyết kiến nghị trong chào giá

1. Nhà cung cấp có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà cung cấp và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào giá cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng.

2. Địa chỉ nhận đơn kiến nghị:

a) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của Chủ đầu tư:

Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao

Địa chỉ: Khu 9 xã Ninh Dân huyện Thanh Ba tỉnh Phú Thọ

Tel: 02103.884.927

Fax:02103.884.929;

b) Địa chỉ bộ phận thường trực:

Phòng Kế hoạch chiến lược – Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao

Liên hệ: Mr Huấn – CV Phòng Kế hoạch chiến lược (SĐT: 0983.222.980).

Chương II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ THƯ CHÀO GIÁ

Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của Thư chào giá.

1.1. Kiểm tra Thư chào giá.

- a) Kiểm tra số lượng bản chụp Thư chào giá;
- b) Kiểm tra các thành phần của Thư chào giá theo yêu cầu tại Mục 6 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp;
- c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết Thư chào giá.

1.2. Tiêu chí đánh giá tính hợp lệ của Thư chào giá.

Thư chào giá của nhà cung cấp được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

- a) Có bản gốc Thư chào giá;
- b) Có đơn chào giá được đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của Thư mời chào giá cạnh tranh;
- c) Giá chào ghi trong đơn chào giá phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với bảng tổng hợp giá chào, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư, bên mời chào giá;
- d) Thời gian có hiệu lực của Thư chào giá đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 8 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp;
- đ) Có Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn chào hàng, của nhà cung cấp.

Nhà cung cấp có Thư chào giá hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:

Tài liệu chứng minh giá trị tài sản ròng trong năm 2018; 2019 đảm bảo phải dương và 02 hợp đồng có tính chất tương tự như gói mua sắm trong các năm 2018;2019;2020 theo (Mẫu số 05 Chương III – Biểu mẫu) đảm bảo giá trị hợp đồng $\geq 0,5$ tỷ đồng;.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

TCĐG theo tiêu chí "đạt", "không đạt"

Nội dung đánh giá theo Chương IV: Yêu cầu kỹ thuật và phạm vi cung cấp.

Thư chào giá được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật khi có tất cả nội dung yêu cầu đều được đánh giá là “đạt”.

Mục 4. Xác định giá chào

Cách xác định giá chào thấp nhất theo các bước sau:

- Bước 1: Xác định giá chào;
- Bước 2: Sửa lỗi thực hiện theo quy định tại ghi chú (1);
- Bước 3: Hiệu chỉnh sai lệch thực hiện theo quy định tại ghi chú (2);
- Bước 4: Xác định giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);
- Bước 5: Xếp hạng nhà cung cấp. Thư chào giá có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Ghi chú:

(1) Sửa lỗi:

Việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá chào. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” nhà cung cấp không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà cung cấp đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói mua sắm, nhà cung cấp phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong Thư mời chào giá cạnh tranh và được thanh toán theo đúng giá đã chào.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong Thư mời chào giá cạnh tranh giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong Thư mời chào giá cạnh tranh;

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi bên mời chào giá cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá nhà cung cấp chào rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá sẽ được sửa lại;

- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

(2) Hiệu chỉnh sai lệch:

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá tương ứng trong Thư chào giá của nhà cung cấp có sai lệch;

Trường hợp một hạng mục trong Thư chào giá của nhà cung cấp có sai lệch không có đơn giá thì lấy mức đơn giá cao nhất đối với hạng mục này trong số các Thư chào giá của nhà cung cấp khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong Thư chào giá của các nhà cung cấp vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá của hạng mục này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của gói mua sắm làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch;

Trường hợp chỉ có một nhà cung cấp duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá tương ứng trong Thư chào giá của nhà cung cấp này; trường hợp Thư chào giá của nhà cung cấp không có đơn giá tương ứng thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói mua sắm được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp nhà cung cấp có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá chào chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá chào ghi trong đơn chào hàng.

ĐƠN CHÀO HÀNG⁽¹⁾

Ngày: ____ [*Điền ngày tháng năm ký đơn chào hàng*]

Tên gói mua sắm: ____ [*Ghi tên gói mua sắm*]

Kính gửi: [*Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời chào giá*]

Sau khi nghiên cứu Thư mời chào giá cạnh tranh và văn bản sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh số ____ [*Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có*] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ____ [*Ghi tên nhà cung cấp*], có địa chỉ tại ____ [*Ghi địa chỉ của nhà cung cấp*] cam kết thực hiện gói mua sắm ____ [*Ghi tên gói mua sắm*] theo đúng yêu cầu của Thư mời chào giá với tổng số tiền là ____ [*Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền*]⁽²⁾ cùng với biểu giá kèm theo.

Thời gian thực hiện hợp đồng là ____ [*Ghi thời gian để thực hiện xong tất cả nội dung công việc theo yêu cầu của gói mua sắm*]⁽³⁾.

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một Thư chào giá này với tư cách là nhà cung cấp.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong chào giá.
4. Không thực hiện hành vi bị cấm trong chào giá theo quy định của Bên mời chào giá khi tham dự gói mua sắm này.
5. Những thông tin kê khai trong Thư chào giá là trung thực.

Nếu Thư chào giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của Thư mời chào giá cạnh tranh.

Thư chào giá này có hiệu lực trong thời gian ____ ngày⁽⁴⁾, kể từ ngày hết hạn nộp thư chào giá⁽⁵⁾.

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp⁽⁶⁾

[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Nhà cung cấp lưu ý điền đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của bên mời chào giá, nhà cung cấp, thời gian có hiệu lực của Thư chào giá, được đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên, đóng dấu (nếu có).

(2) Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá chào hàng ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư.

(3) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào hàng phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật và yêu cầu về tiến độ nêu tại Mục 2 Chương IV – Yêu cầu đối với gói mua sắm.

(4) Ghi số ngày có hiệu lực theo đúng yêu cầu của Thư mời chào giá cạnh tranh.

(5) Ngày hết hạn nộp Thư chào giá theo quy định của Thư mời chào giá.

(6) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp ủy quyền cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này).

GIẤY ỦY QUYỀN ⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là _ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp], là người đại diện theo pháp luật của _ [Ghi tên nhà cung cấp] có địa chỉ tại _ [Ghi địa chỉ của nhà cung cấp] bằng văn bản này ủy quyền cho _ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia dự chào giá gói mua sắm _ [Ghi tên gói mua sắm] thuộc Phương án mua sắm _ [Ghi tên Phương án mua sắm] do _ [Ghi tên bên mời chào giá] tổ chức:

[- Ký đơn chào hàng;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời chào giá trong quá trình tham dự chào giá, kể cả văn bản đề nghị làm rõ Thư mời chào giá và văn bản giải trình, làm rõ Thư chào giá;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà cung cấp có kiến nghị;

- Ký kết hợp đồng với chủ đầu tư nếu được lựa chọn.] ⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [Ghi tên nhà cung cấp]. ____ [Ghi tên nhà cung cấp] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [Ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____ ⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu
(nếu có)]

Người ủy quyền

[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của
nhà cung cấp, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho bên mời chào giá cùng với đơn chào hàng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà cung cấp để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà cung cấp hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia chào giá.

BẢNG TỔNG HỢP CHÀO GIÁ

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=4x5)
THI CÔNG NỀN BÃI					
1	Đào xúc đất bằng máy đào $\leq 0,4$ m ³ và máy ủi ≤ 110 CV, đất cấp III	100m ³	20,549		
2	San đầm đất mặt bằng bằng máy đầm 16 tấn, độ chặt yêu cầu K=0,90	100m ³	20,549		
3	Đào xúc, vận chuyển đá đen từ mỏ đá vôi đến khu vực bãi chứa Clinker mở rộng (Hệ số rời: 1,1)	m ³	1.875,390		
4	San đầm đá đen bằng máy đầm 16 tấn, độ chặt yêu cầu	100m ³	17,049		
5	Làm móng cấp phối đá dăm	100m ³	8,525		
THI CÔNG CÔNG TRÒN D1000					
6	CPDD đắp móng cống	m ³	5,724		
7	Đắp đất công trình bằng đầm cóc, độ chặt yêu cầu K=0,90	100m ³	0,057		
8	Mua ống cống D1000; cống đúc ly tâm, đoạn cống 2,5m/đốt	cái	4,000		
9	Lắp đặt cống D1000, Vxm _{cv} mác 125 trọng lượng cầu kiện ≤ 2 tấn	cầu kiện	4,000		
10	Bê tông sản xuất bằng máy trộn - đổ bằng thủ công, bê tông móng, đá 1x2, chiều rộng ≤ 250 cm, mác 200	m ³	0,851		
11	Xây gạch chỉ đặc 6,5x10,5x22, xây tường cánh cống, vữa XM mác 75	m ³	2,709		
12	Đắp đất công trình bằng đầm cóc, đắp đất mang cống	100m ³	0,771		
THI CÔNG TẤM ĐẠN RÃNH					
13	Sản xuất, lắp đặt cốt thép bê tông đúc sẵn, cốt thép tấm đan	tấn	0,449		
14	Sản xuất cầu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông tấm đan, đá 1x2, mác 300	m ³	2,100		
15	Sản xuất, lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn bê tông đúc sẵn, ván khuôn gỗ, ván khuôn nắp đan	100m ²	0,077		
16	Lắp dựng cầu kiện bê tông đúc sẵn, lắp tấm đan	cái	7,000		
THI CÔNG ĐƯỜNG VÀO BÃI					
17	Phá dỡ kết cấu gạch đá, phá dỡ tường gạch	m ³	4,290		

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=4x5)
18	Đào khuôn đường, độ sâu trung bình 25 cm, đất cấp II	m3	14,425		
19	San đầm đất mặt bằng bằng máy đầm 16 tấn, độ chặt yêu cầu K=0,90	100m3	0,384		
20	Làm móng cấp phối đá dăm	100m3	0,320		
21	Bê tông đường bằng bê tông thương phẩm đá 1x2, mác 300	m3	11,540		
22	Công tác sản xuất lắp dựng cốt thép mặt đường, đường kính cốt thép $\leq 18\text{mm}$	Tấn	1,435		
23	Lắp dựng bó vỉa (bó vỉa tận dụng của CĐT), lắp các loại cầu kiện bê tông đúc sẵn bằng thủ công, Vxmcv mác 100 trọng lượng $\leq 100\text{ kg}$	cái	41,000		
24	Đào móng cột, trụ, hồ kiểm tra, rộng $\leq 1\text{ m}$, sâu $\leq 1\text{ m}$, đất cấp III	m3	2,163		
25	Bê tông sản xuất bằng máy trộn - đổ bằng thủ công, bê tông cột, đá 1x2, tiết diện cột $\leq 0,1\text{ m}^2$, cao $\leq 4\text{ m}$, mác 250	m3	0,697		
26	Công tác sản xuất lắp dựng cốt thép bê tông tại chỗ, cốt thép cột, trụ, đường kính $\leq 18\text{ mm}$, cột, trụ cao $\leq 4\text{ m}$	tấn	0,113		
27	Xây gạch chỉ đặc 6,5x10,5x22, xây cột, trụ chiều cao $\leq 4\text{ m}$, vữa XM mác 75	m3	1,854		
28	Trát tường ngoài cột trụ và cánh cổng, dày 2,0 cm, vữa XM mác 75	m2	18,789		
29	Quét nước ximăng 2 nước	m2	18,789		
30	Sản xuất cửa khung xương bằng thép hộp 40x100x1,4, bịt tôn múi 11 sóng	1m2	8,400		
31	Bản lề cối	cái	6,000		
32	Bánh xe	cái	2,000		
33	Lắp dựng cửa khung sắt	m2	8,400		
Tổng trước thuế					
Thuế GTGT (10%)					
Tổng cộng sau thuế					

Khối lượng trên là tạm tính. Khối lượng thanh quyết toán hợp đồng là khối lượng thực tế được hai Bên nghiệm thu.

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp
 [Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

PHÂN TÍCH ĐƠN GIÁ
Gói mua sắm: _____

Đơn vị tính: [đồng]

Mã hiệu đơn giá	Mã hiệu VL, NC, M	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Hao phí	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7=5x6)
DG.1		Chi phí VL				
	VL.1					
	...					
		Cộng				VL
		Chi phí NC				
	NC.1		công			
	...					
		Cộng				NC
		Chi phí MTC				
	M.1		ca			
	...					
		Cộng				M
		Cộng chi phí trực tiếp (VL+NC+M)				T
		Chi phí chung (T*K1)				C
		Thu nhập chịu thuế tính trước (T+C)*K2				TL
		Giá trị chào giá trước thuế (T+C+TL)				G
		Thuế GTGT (10%) (G*10%)				GTGT
		Giá chào giá sau thuế (G+GTGT)				G _{XDCPT}
		(Kết chuyển sang bảng tổng hợp chào giá)				

Ghi chú:

- Cột (1) (2) (3) (4) (5): thứ tự; Mã hiệu định mức dự toán; Nội dung công việc; Đơn vị; Định mức chi phí để thực hiện công tác. Cột (6) đơn giá do nhà thầu chào.

BẢN CAM KẾT THỰC HIỆN GÓI MUA SẴM

Ngày: _____ [Điền ngày tháng năm ký cam kết]

Tên gói mua sắm: _____ [Ghi tên gói mua sắm theo Phương án mua sắm được duyệt]

Tên Phương án mua sắm: _____ [Ghi tên PAMS]

Kính gửi: [Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời chào giá cạnh tranh]

Sau khi nghiên cứu Thư mời chào giá cạnh tranh, văn bản sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có] và các tài liệu đính kèm Thư mời chào giá cạnh tranh do _____ [Ghi tên bên mời chào giá] phát hành, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà cung cấp], có địa chỉ tại _____ [Ghi địa chỉ của nhà cung cấp] cam kết có đủ năng lực, kinh nghiệm thực hiện gói mua sắm, hợp pháp và theo đúng quy định của Thư mời chào giá cạnh tranh.

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác của thông tin nêu trong bản cam kết này.

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ CUNG CẤP THỰC HIỆN

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Tên nhà cung cấp: ____ [ghi tên đầy đủ của nhà cung cấp]

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]	
Ngày ký hợp đồng	[ghi ngày, tháng, năm]	
Ngày hoàn thành	[ghi ngày, tháng, năm]	
Giá hợp đồng	[ghi tổng giá hợp đồng bằng số tiền và đồng tiền đã ký]	Tương đương _____ VND
Tên dự án:	[ghi tên đầy đủ của dự án có hợp đồng đang kê khai]	
Tên Chủ đầu tư:	[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]	
Địa chỉ:	[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]	
Điện thoại/fax:	[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng, địa chỉ e-mail]	
E-mail:		
Mô tả tính chất tương tự đối với gói mua sắm		
1. Loại hàng hóa	[ghi thông tin phù hợp]	
2. Về giá trị	[ghi số tiền bằng VND]	
3. Về quy mô thực hiện	[ghi quy mô theo hợp đồng]	
4. Các đặc tính khác	[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]	

Nhà cung cấp phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến các hợp đồng đó (xác nhận của Chủ đầu tư về hợp đồng đã hoàn thành theo các nội dung liên quan trong bảng trên...).

Ghi chú:

(1) Nhà cung cấp chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói mua sắm.

Chương IV. YÊU CẦU ĐỐI VỚI GÓI MUA SẮM

Mục 1. Giới thiệu về gói mua sắm

1. Tên phần việc: Mở rộng bãi chứa nguyên, nhiên liệu phục vụ dây truyền đốt rác (ký hiệu: XMST/2020/MRBC).

2. Tên gói thầu: Mở rộng bãi chứa nguyên, nhiên liệu phục vụ dây truyền đốt rác (ký hiệu: XMST/2020/MRBC).

3. Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần xi măng Vicem Sông Thao.

4. Nguồn vốn: Chi phí SXKD năm 2020.

5. Thời gian thực hiện: 30 ngày.

6. Địa điểm thực hiện: Khu 9, xã Ninh Dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

Mục 2. Yêu cầu về tiến độ

Triển khai thực hiện gói mua sắm: Mở rộng bãi chứa nguyên, nhiên liệu phục vụ dây truyền đốt rác (ký hiệu: XMST/2020/MRBC) trong **thời gian 30 ngày**.

Mục 3. Yêu cầu về kỹ thuật

Nhà thầu phải tuân thủ theo các yêu cầu kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật theo các yêu cầu kỹ thuật xây dựng hiện hành và bản vẽ phương án kỹ thuật (gửi kèm).

Nhà thầu phải thuyết minh các công việc cần thiết trong quá trình xây dựng thực hiện gói mua sắm theo quy định của pháp luật về xây dựng bao gồm tổ chức thi công, giám sát, nghiệm thu, thử nghiệm, an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ, huy động thiết bị, kiểm tra, giám sát chất lượng.

Mục 4. Bảng tiên lượng mời chào giá

Tiên lượng mời chào giá là cơ sở để nhà thầu tính toán, lập giá chào. Nhà thầu phải chào giá theo tiên lượng mời thầu này. Trường hợp Nhà thầu thấy có phát sinh khối lượng so với khảo sát hiện trường và bản vẽ phương án kỹ thuật được duyệt thì sẽ chào giá thành mục riêng.

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng
THI CÔNG NỀN BÃI			
1	Đào xúc đất bằng máy đào $\leq 0,4$ m ³ và máy ủi ≤ 110 CV, đất cấp III	100m ³	20,549
2	San đầm đất mặt bằng bằng máy đầm 16 tấn, độ chặt yêu cầu K=0,90	100m ³	20,549
3	Đào xúc, vận chuyển đá đen từ mỏ đá vôi đến khu vực bãi chứa Clinker mở rộng (Hệ số rời: 1,1)	m ³	1.875,390
4	San đầm đá đen bằng máy đầm 16 tấn, độ chặt yêu cầu	100m ³	17,049
5	Làm móng cấp phối đá dăm	100m ³	8,525
THI CÔNG CÔNG TRÒN D1000			
6	CPĐĐ đắp móng cống	m ³	5,724
7	Đắp đất công trình bằng đầm cóc, độ chặt yêu cầu K=0,90	100m ³	0,057
8	Mua ống cống D1000; cống đúc ly tâm, đoạn cống 2,5m/đốt	cái	4,000
9	Lắp đặt cống D1000, Vxm cv mác 125 trọng lượng cầu	cầu kiện	4,000

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng
	kiện ≤ 2 tấn		
10	Bê tông sản xuất bằng máy trộn - đổ bằng thủ công, bê tông móng, đá 1x2, chiều rộng ≤ 250 cm, mác 200	m3	0,851
11	Xây gạch chỉ đặc 6,5x10,5x22, xây tường cánh cổng, vữa XM mác 75	m3	2,709
12	Đắp đất công trình bằng đầm cóc, đắp đất mang cổng	100m3	0,771
	THI CÔNG TẤM ĐẠN RÃNH		
13	Sản xuất, lắp đặt cốt thép bê tông đúc sẵn, cốt thép tấm đan	tấn	0,449
14	Sản xuất cầu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông tấm đan, đá 1x2, mác 300	m3	2,100
15	Sản xuất, lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn bê tông đúc sẵn, ván khuôn gỗ, ván khuôn nắp đan	100m2	0,077
16	Lắp dựng cầu kiện bê tông đúc sẵn, lắp tấm đan	cái	7,000
	THI CÔNG ĐƯỜNG VÀO BÃI		
17	Phá dỡ kết cấu gạch đá, phá dỡ tường gạch	m3	4,290
18	Đào khuôn đường, độ sâu trung bình 25 cm, đất cấp II	m3	14,425
19	San đầm đất mặt bằng bằng máy đầm 16 tấn, độ chặt yêu cầu $K=0,90$	100m3	0,384
20	Làm móng cấp phối đá dăm	100m3	0,320
21	Bê tông đường bằng bê tông thương phẩm đá 1x2, mác 300	m3	11,540
22	Công tác sản xuất lắp dựng cốt thép mặt đường, đường kính cốt thép ≤ 18 mm	Tấn	1,435
23	Lắp dựng bó vỉa (bó vỉa tận dụng của CĐT), lắp các loại cầu kiện bê tông đúc sẵn bằng thủ công, Vxmcv mác 100 trọng lượng ≤ 100 kg	cái	41,000
24	Đào móng cột, trụ, hố kiểm tra, rộng ≤ 1 m, sâu ≤ 1 m, đất cấp III	m3	2,163
25	Bê tông sản xuất bằng máy trộn - đổ bằng thủ công, bê tông cột, đá 1x2, tiết diện cột $\leq 0,1$ m ² , cao ≤ 4 m, mác 250	m3	0,697
26	Công tác sản xuất lắp dựng cốt thép bê tông tại chỗ, cốt thép cột, trụ, đường kính ≤ 18 mm, cột, trụ cao ≤ 4 m	tấn	0,113
27	Xây gạch chỉ đặc 6,5x10,5x22, xây cột, trụ chiều cao ≤ 4 m, vữa XM mác 75	m3	1,854
28	Trát tường ngoài cột trụ và cánh cổng, dày 2,0 cm, vữa XM mác 75	m2	18,789
29	Quét nước ximăng 2 nước	m2	18,789
30	Sản xuất cửa khung xương bằng thép hộp 40x100x1,4, bịt tôn múi 11 sóng	1m2	8,400
31	Bản lề côi	cái	6,000
32	Bánh xe	cái	2,000
33	Lắp dựng cửa khung sắt	m2	8,400

Chương V. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: /2019/HĐKT

Về việc: Thi công mở rộng bãi chứa nguyên, nhiên liệu phục vụ dây truyền đốt rác.

Căn cứ Luật Xây dựng số: 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 06 năm 2014 của Quốc hội Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ Quy định chi Tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng

Căn cứ Biên bản thương thảo hợp đồng ngày / /2020 giữa Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao và Công ty;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-XMST ngày / /2020 của Tổng giám đốc Công ty Cổ phần xi măng Vicem Sông Thao về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp gói mua sắm: Mở rộng bãi chứa nguyên, nhiên liệu phục vụ dây truyền đốt rác (ký hiệu: XMST/2020/MRBC);

Căn cứ nhu cầu và năng lực của Hai Bên.

Hôm nay, ngày / /2020, tại Công ty Cổ phần xi măng Vicem Sông Thao, chúng tôi gồm:

I. BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO

Đại diện : Ông Nguyễn Quang Huy Chức vụ: **Tổng giám đốc**

Địa chỉ : Xã Ninh Dân, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ;

Điện thoại : 0210 3884 927 Fax: 0210 3884 929

Tài khoản : 118 600 399 566

Ngân hàng : NH TMCP Công thương Việt Nam - CN Đền Hùng

Mã số thuế : 260 027 9082

II. BÊN B: CÔNG TY

Đại diện : Ông Chức vụ: **Giám đốc**

Địa chỉ :

Điện thoại : Fax:

Tài khoản :

Ngân hàng :

Mã số thuế :

**HAI BÊN THỎA THUẬN KÝ HỢP ĐỒNG KINH TẾ
VỚI CÁC ĐIỀU, KHOẢN CỤ THỂ SAU ĐÂY:**

Điều 1. Nội dung công việc:

Bên A đồng ý giao và Bên B đồng ý nhận thi công Phần việc: Mở rộng bãi chứa nguyên, nhiên liệu phục vụ dây truyền đốt rác theo nội dung công việc, khối lượng quy định tại điều 4 của hợp đồng.

Điều 2. Yêu cầu kỹ thuật, chất lượng:

Thi công xây dựng các nội dung công việc nêu tại Điều 1 theo đúng bản vẽ phương án kỹ thuật đã được phê duyệt và theo thỏa thuận giữa Hai Bên; đảm bảo chất lượng đúng qui chuẩn, tiêu chuẩn Việt Nam, thực hiện theo Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.

Điều 3. Tiến độ thực hiện: 30 ngày kể từ ngày Bên A bàn giao mặt bằng.

Điều 4. Giá trị và Loại Hợp đồng:

4.1. Giá trị Hợp đồng: **đồng.**

Bảng chữ :

✓

Giá trị Hợp đồng đã bao gồm 10% thuế GTGT và các chi phí có liên quan.

Biểu đơn giá chi tiết:

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=4x5)
	THI CÔNG NỀN BÃI				
1	Đào xúc đất bằng máy đào $\leq 0,4$ m ³ và máy ủi ≤ 110 CV, đất cấp III	100m ³	20,549		
2	San đầm đất mặt bằng bằng máy đầm 16 tấn, độ chặt yêu cầu K=0,90	100m ³	20,549		
3	Đào xúc, vận chuyển đá đen từ mỏ đá vôi đến khu vực bãi chứa Clinker mở rộng (Hệ số rời: 1,1)	m ³	1.875,390		
4	San đầm đá đen bằng máy đầm 16 tấn, độ chặt yêu cầu	100m ³	17,049		
5	Làm móng cấp phối đá dăm	100m ³	8,525		
	THI CÔNG CÔNG TRÒN D1000				
6	CPĐĐ đắp móng công	m ³	5,724		
7	Đắp đất công trình bằng đầm cóc, độ chặt yêu cầu K=0,90	100m ³	0,057		
8	Mua ống công D1000; công đúc ly tâm, đoạn công 2,5m/đốt	cái	4,000		
9	Lắp đặt công D1000, Vxmcv mác 125 trọng lượng cầu kiện ≤ 2 tấn	cầu kiện	4,000		
10	Bê tông sản xuất bằng máy trộn - đổ bằng thủ công, bê tông móng, đá 1x2, chiều rộng ≤ 250 cm, mác 200	m ³	0,851		
11	Xây gạch chỉ đặc 6,5x10,5x22, xây tường cánh công, vữa XM mác 75	m ³	2,709		
12	Đắp đất công trình bằng đầm cóc,	100m ³	0,771		

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=4x5)
	đắp đất mang công				
	THI CÔNG TẤM ĐAN RÀNH				
13	Sản xuất, lắp đặt cốt thép bê tông đúc sẵn, cốt thép tấm đan	tấn	0,449		
14	Sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông tấm đan, đá 1x2, mác 300	m3	2,100		
15	Sản xuất, lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn bê tông đúc sẵn, ván khuôn gỗ, ván khuôn nắp đan	100m2	0,077		
16	Lắp dựng cấu kiện bê tông đúc sẵn, lắp tấm đan	cái	7,000		
	THI CÔNG ĐƯỜNG VÀO BÃI				
17	Phá dỡ kết cấu gạch đá, phá dỡ tường gạch	m3	4,290		
18	Đào khuôn đường, độ sâu trung bình 25 cm, đất cấp II	m3	14,425		
19	San đầm đất mặt bằng bằng máy đầm 16 tấn, độ chặt yêu cầu K=0,90	100m3	0,384		
20	Làm móng cấp phối đá dăm	100m3	0,320		
21	Bê tông đường bằng bê tông thương phẩm đá 1x2, mác 300	m3	11,540		
22	Công tác sản xuất lắp dựng cốt thép mặt đường, đường kính cốt thép $\leq 18\text{mm}$	Tấn	1,435		
23	Lắp dựng bó vỉa (bó vỉa tận dụng của CĐT), lắp các loại cấu kiện bê tông đúc sẵn bằng thủ công, Vxmcv mác 100 trọng lượng $\leq 100\text{ kg}$	cái	41,000		
24	Đào móng cột, trụ, hố kiểm tra, rộng $\leq 1\text{ m}$, sâu $\leq 1\text{ m}$, đất cấp III	m3	2,163		
25	Bê tông sản xuất bằng máy trộn - đổ bằng thủ công, bê tông cột, đá 1x2, tiết diện cột $\leq 0,1\text{ m}^2$, cao $\leq 4\text{ m}$, mác 250	m3	0,697		
26	Công tác sản xuất lắp dựng cốt thép bê tông tại chỗ, cốt thép cột, trụ, đường kính $\leq 18\text{ mm}$, cột, trụ cao $\leq 4\text{ m}$	tấn	0,113		
27	Xây gạch chỉ đặc 6,5x10,5x22, xây cột, trụ chiều cao $\leq 4\text{ m}$, vữa XM mác 75	m3	1,854		
28	Trát tường ngoài cột trụ và cánh cổng, dày 2,0 cm, vữa XM mác 75	m2	18,789		
29	Quét nước xi măng 2 nước	m2	18,789		

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=4x5)
30	Sản xuất cửa khung xương bằng thép hộp 40x100x1,4, bịt tôn múi 11 sóng	1m2	8,400		
31	Bản lề cối	cái	6,000		
32	Bánh xe	cái	2,000		
33	Lắp dựng cửa khung sắt	m2	8,400		
Tổng trước thuế					
Thuế GTGT (10%)					
Tổng cộng sau thuế					

4.2. Loại Hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

Điều 5. Quyết toán và thanh lý Hợp đồng:

5.1. Quyết toán Hợp đồng: Sau khi Bên B hoàn thành công việc tại Điều 1, Hai Bên tiến hành lập Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành; nghiệm thu phần việc hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng. Hồ sơ quyết toán sẽ được Bên B lập và trình Bên A duyệt. Trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày Bên A nhận được hồ sơ quyết toán được Hai Bên ký, công văn đề nghị thanh toán kèm theo hóa đơn GTGT đúng quy định, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B 95% giá trị quyết toán hợp đồng bao gồm cả giá trị đã tạm ứng và giữ lại 5% giá trị quyết toán để bảo hành công việc hoàn thành.

Nếu Bên B cung cấp Giấy bảo lãnh bảo hành của Ngân hàng có giá trị bằng 5% giá trị quyết toán và có hiệu lực 12 tháng kể từ ngày ký biên bản bàn giao và đưa vào sử dụng, thì Bên A sẽ thanh toán cho Bên B 100% giá trị quyết toán hợp đồng.

a. Khối lượng quyết toán: Theo khối lượng thực tế Bên B thi công được Bên A nghiệm thu phù hợp với hồ sơ bản vẽ phương án kỹ thuật được duyệt và các sửa đổi bổ sung (nếu có) được cấp có thẩm quyền của Bên A phê duyệt.

b. Trong trường hợp phát sinh nội dung công việc mới (ngoài Hợp đồng) không có đơn giá trong Hợp đồng, Hai Bên thống nhất lập đơn giá theo nguyên tắc như sau:

+ Định mức Vật liệu, Nhân công, Máy thi công để triết tính đơn giá căn cứ theo các tập Định mức Dự toán Xây dựng công trình hiện hành của Nhà nước;

+ Đơn giá Vật liệu, Nhân công, Máy thi công theo đơn giá đã được Hai Bên thống nhất trong hợp đồng;

+ Trường hợp các mục vật tư không có đơn giá đã được thống nhất trong hợp đồng thì giá quyết toán được xác định là giá thấp nhất trên cơ sở so sánh giữa giá hóa đơn GTGT Bên B đã mua và giá trong Công bố giá Liên Sở TC-XD tỉnh Phú Thọ ban hành tại thời điểm thi công.

+ Nếu trong Công bố giá Liên Sở TC-XD tỉnh Phú Thọ không có giá thì Hai Bên thỏa thuận trên cơ sở tham khảo giá thị trường và giá hóa đơn GTGT Bên B đã mua vật tư.

5.2 Thanh lý hợp đồng:

Hết thời gian bảo hành theo Điều 7 của Hợp đồng và Bên B đã xử lý xong các vấn đề phát sinh (nếu có), Hai Bên tiến hành lập Biên bản xác nhận hoàn thành công tác bảo hành. Hợp đồng sẽ tự động được thanh lý sau khi Hai Bên thực hiện xong các nghĩa vụ của mình và không còn vướng mắc gì.

5.3. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản qua Ngân hàng hoặc đối trừ công nợ.

5.4. Đồng tiền thanh toán: VND.

Điều 6. Trách nhiệm của Các Bên:

6.1. Trách nhiệm của Bên A:

- a. Bàn giao và chỉ dẫn cho Bên B mặt bằng vị trí thi công hạng mục công trình;
- b. Cung cấp cho Bên B hồ sơ bản vẽ thi công được duyệt và tài liệu cần thiết liên quan đến công việc.
- c. Giám sát việc thực hiện Hợp đồng, Tổ chức nghiệm thu vật liệu đầu vào, công việc xây dựng, và nhận bàn giao công việc hoàn thành theo thoả thuận Hợp đồng và theo quy định của Nhà nước về nghiệm thu, bàn giao công việc xây dựng hoàn thành.
- d. Thanh toán cho Bên B theo quy định tại Điều 5 của Hợp đồng này khi Bên B có đầy đủ hồ sơ nghiệm thu, hồ sơ thanh quyết toán và các chứng từ liên quan khác kèm theo.
- e. Giải quyết các thắc mắc, kiến nghị của Bên B liên quan đến thực hiện hợp đồng.

6.2. Trách nhiệm của Bên B:

- a. Tiếp nhận và quản lý mặt bằng thi công, hồ sơ bản vẽ thi công đã được duyệt và tài liệu cần thiết liên quan đến công việc do Bên A giao.
- b. Lập biện pháp kỹ thuật, tiến độ thi công và thống nhất với Bên A trước khi thi công.
- c. Đảm bảo chất lượng công việc theo đúng yêu cầu kỹ thuật, chất lượng nêu tại Điều 2 và theo tiêu chuẩn quy phạm hiện hành của Nhà nước.
- d. Đảm bảo an toàn lao động và phòng chống cháy nổ theo quy định của Nhà nước.
- e. Thông báo cho Bên A thời gian nghiệm thu vật tư đầu vào, chất lượng, khối lượng công việc hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng đúng trình tự theo quy định.
- f. Sau khi nghiệm thu, bàn giao công trình phải di chuyển nhân lực, thiết bị và các tài sản khác của Bên B ra khỏi công trình.
- g. Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ thanh, quyết toán hợp đồng theo quy định, hoá đơn giá trị gia tăng và phối hợp với Bên A trong việc tổ chức nghiệm thu, thanh quyết toán Hợp đồng.
- h. Trong quá trình thực hiện công việc, nếu có vấn đề phát sinh hoặc vướng mắc, Bên B phải thông báo kịp thời cho Bên A và phối hợp tìm phương án giải quyết.
- i. Thực hiện bảo hành công việc hoàn thành theo qui định tại Điều 7 của Hợp đồng.

Điều 7. Bảo hành:

- 7.1. Bên B có trách nhiệm bảo hành các hạng mục công trình hoàn thành kể từ ngày A-B nghiệm thu hoàn thành bàn giao công trình đưa vào sử dụng.
- 7.2. Thời gian bảo hành: 12 tháng.
- 7.3. Nội dung bảo hành: Trong thời gian bảo hành, Bên B có trách nhiệm khắc phục, sửa chữa, thay thế những hư hỏng, hoặc khi công trình đưa vào khai thác sử dụng không bình thường được xác định do chất lượng thi công của Bên B gây ra.

Điều 8. Phạt vi phạm Hợp đồng:

- 8.1. Nếu chậm tiến độ thi công: Nhà thầu sẽ bị phạt **1,0%** giá trị Hợp đồng/01 ngày chậm tiến độ; Số ngày chậm không được vượt quá 10 ngày;
- 8.2. Nếu đến ngày thứ 10 mà Bên B vẫn chậm tiến độ (nguyên nhân do lỗi của Bên B) thì Bên A có quyền dừng thực hiện Hợp đồng và mời đơn vị khác vào thực hiện phần giá trị khối lượng công việc còn lại theo giá trị Hợp đồng.

Trường hợp chi phí thi công phần khối lượng còn lại lớn hơn giá trị còn lại của Hợp đồng thì Bên B có trách nhiệm bồi thường (giá trị bồi thường được trừ vào giá trị quyết toán phần khối lượng Bên B đã thực hiện được Hai Bên A-B nghiệm thu).

8.3. Trường hợp Bên A chậm thanh toán cho Bên B theo quy định tại Điều 5 thì Bên A sẽ phải trả lãi của giá trị chậm thanh toán theo lãi suất vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam - Chi nhánh Đền Hùng trên số tiền chậm thanh toán tại thời điểm chậm trả. Thời gian chậm trả không quá 60 ngày.

Điều 9. Điều khoản thi hành:

9.1. Hai Bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã thoả thuận trong Hợp đồng.

9.2. Tất cả các sửa đổi nội dung của Hợp đồng này chỉ có giá trị bằng văn bản có đầy đủ chữ ký và dấu của Hai Bên.

9.3. Trong quá trình thực hiện, nếu xảy ra vướng mắc, Hai Bên sẽ cùng hợp tác tìm biện pháp giải quyết trên cơ sở tôn trọng quyền lợi của Mỗi Bên và quyền lợi của Nhà nước. Nếu Hai Bên không thể tự giải quyết được, thì tranh chấp được đưa ra Toà án để xét xử theo quy định. Quyết định của Toà án là phán quyết cuối cùng mà Hai Bên phải thi hành. Mọi chi phí phát sinh do Bên sai chịu.

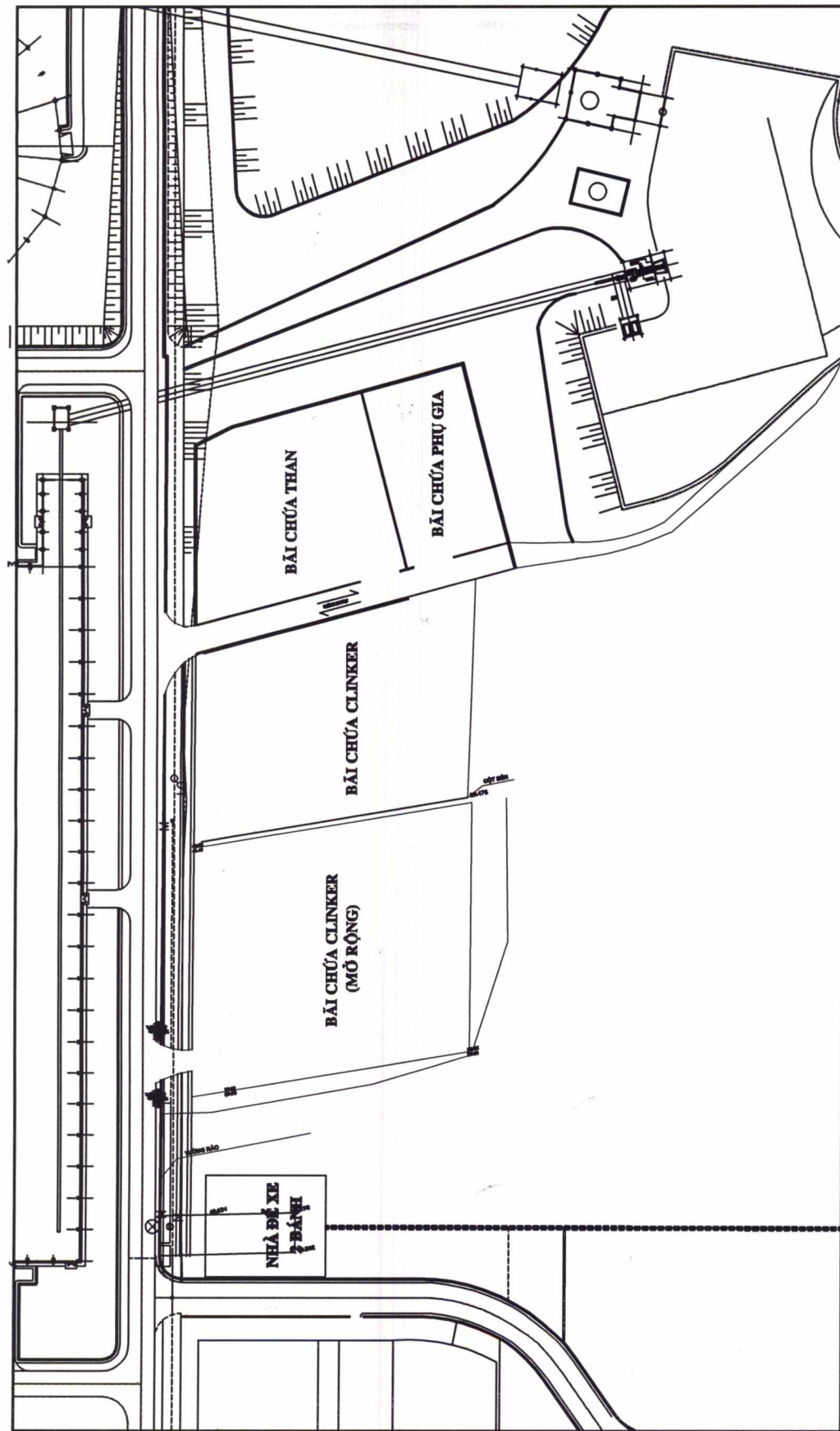
9.4. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 04 bản, Bên B giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

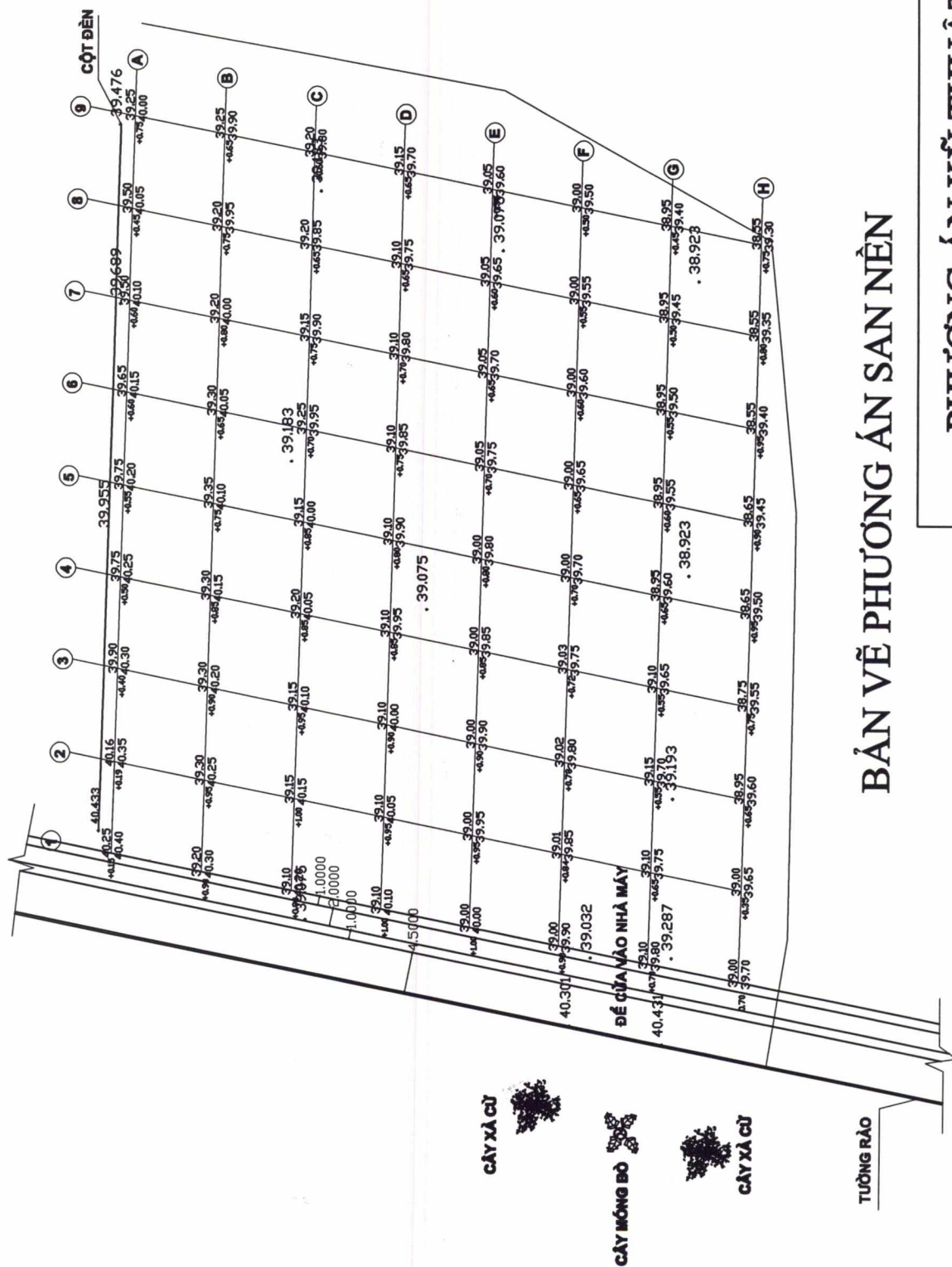
Nguyễn Quang Huy
Tổng giám đốc

Giám đốc



MẶT BẰNG VỊ TRÍ BÃI CHỨA CLINKER MỞ RỘNG

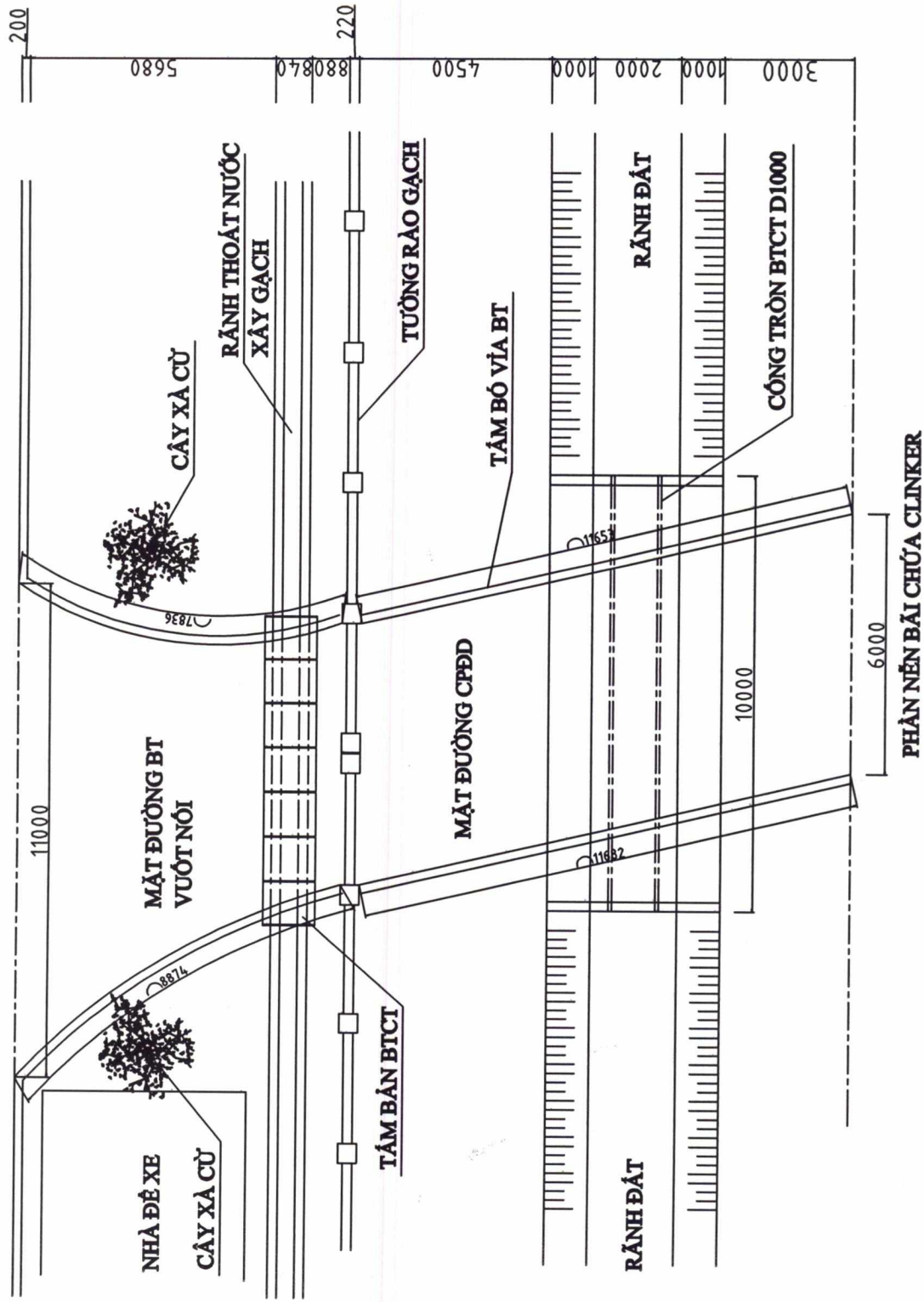
PHƯƠNG ÁN KỸ THUẬT
MỞ RỘNG BÃI CHỨA NGUYÊN LIỆU



BẢN VẼ PHƯƠNG ÁN SAN NỀN

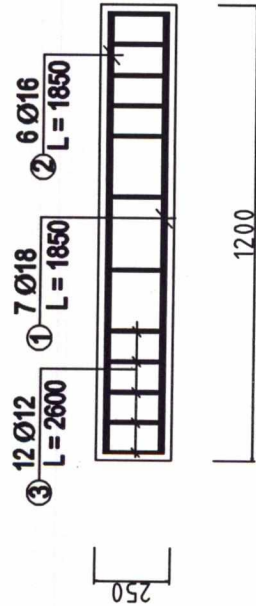
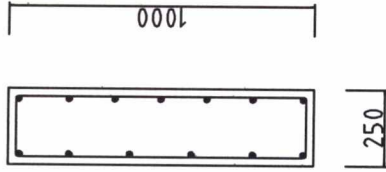
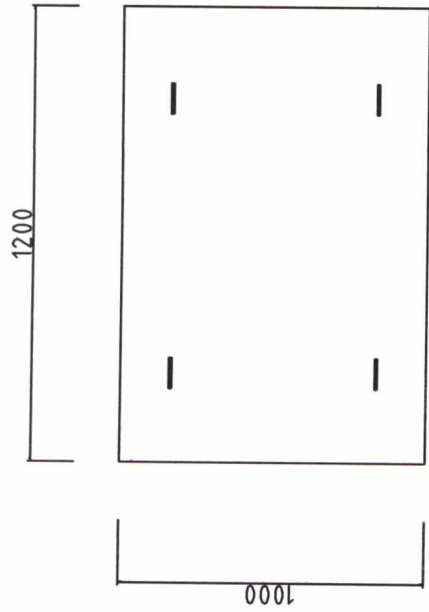
PHƯƠNG ÁN KỸ THUẬT
MỞ RỘNG BÀI CHỮA NGUYÊN LIỆU

ĐƯỜNG BẢI NỘI BỘ

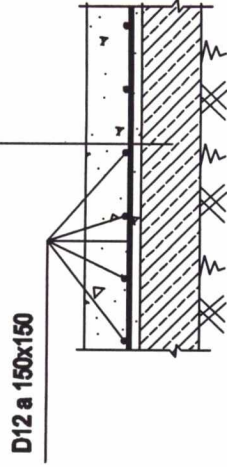


MẶT BẰNG ĐƯỜNG VÀO BÃI CHỨA CLINKER MỞ RỘNG

PHƯƠNG ÁN KỸ THUẬT
MỞ RỘNG BÃI CHỨA NGUYÊN LIỆU



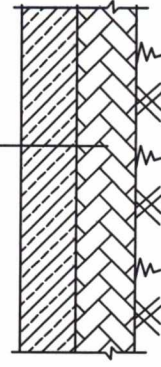
BÊ TÔNG THƯỜNG PHẨM M300 DÂY 22CM
CPDD LOẠI 1 DÂY 25CM ĐẪM CHẶT K=0,95
ĐẤT SAN NÉN ĐẪM CHẶT K=0,9



KẾT CẤU MẶT ĐƯỜNG BTCT
(S = 57,7 m²)

CPDD LOẠI 1 DÂY 25CM ĐẪM CHẶT K=0,95
ĐẬP ĐẤT NÉN ĐẪM CHẶT K=0,9

CHI TIẾT TẤM ĐAN RÃNH
(7 TẤM)

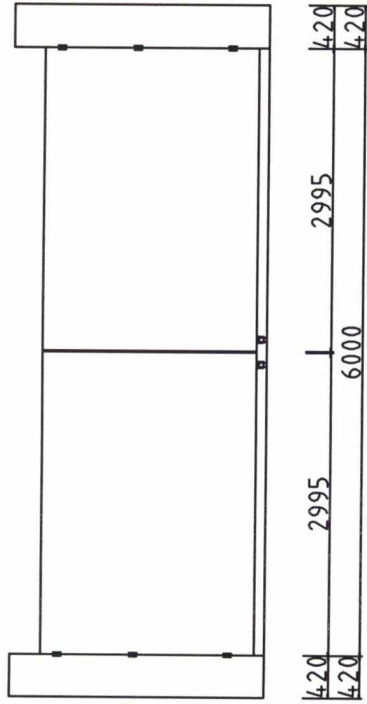


BẢNG THÔNG KẾ THÉP TẤM ĐAN

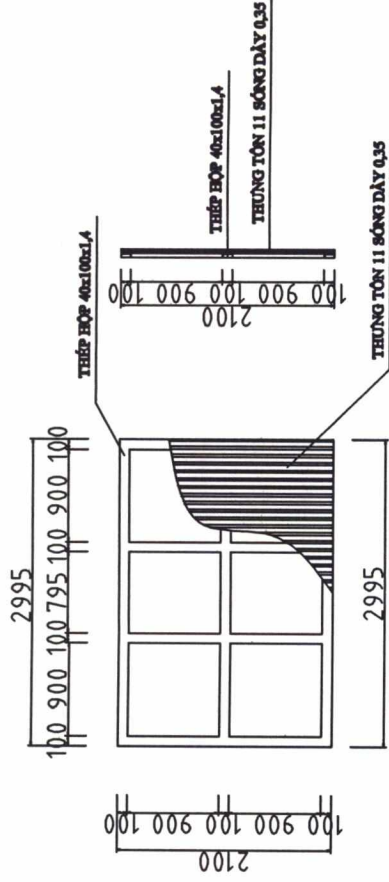
STT	HÌNH DẠNG KÍCH THƯỚC	Φ (mm)	CHÉU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ THANH 1 CẦU KIỆN	SỐ CẦU KIỆN	TỔNG CHÉU DÀI (mm)	TỔNG TR. LƯỢNG (kg)
1	1100 100 200	18	1800	7	7	90600	182
2	1100 100 200	16	1800	6	7	77700	109
3	8 900 8	12	2600	12	7	218400	194
TỔNG							449

KẾT CẤU MẶT ĐƯỜNG CPDD
(S = 70,4 m²)

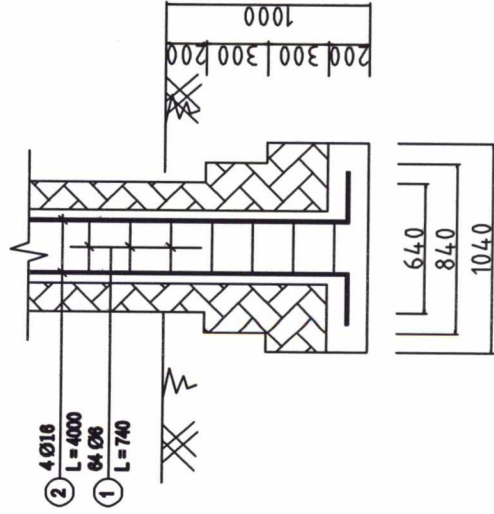
PHƯƠNG ÁN KỸ THUẬT
MỞ RỘNG BÀI CHỨA NGUYÊN LIỆU



MẶT ĐÚNG CHI TIẾT CỐNG



CHI TIẾT CÁNH CỐNG THÉP

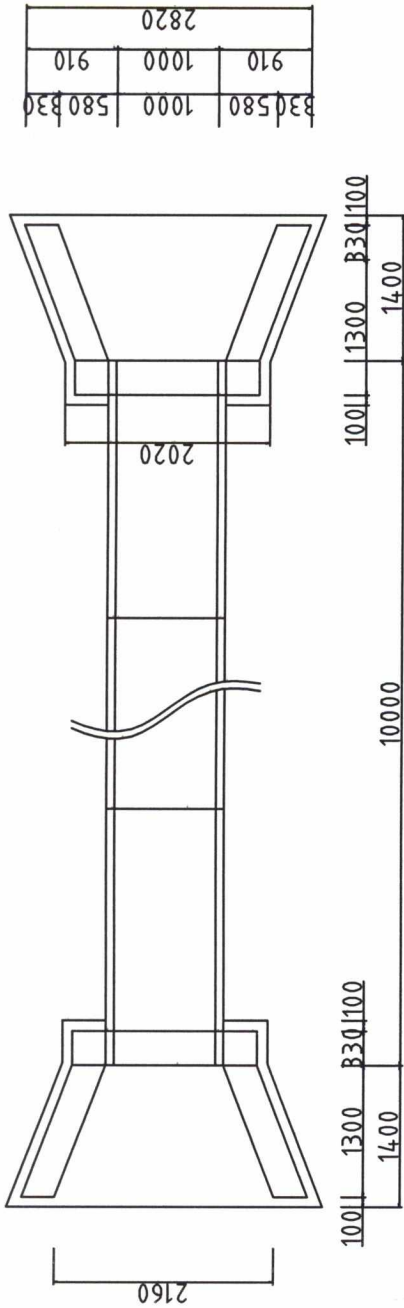


CHI TIẾT MÔNG TRỤ CỐNG

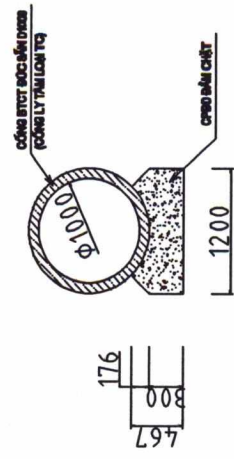
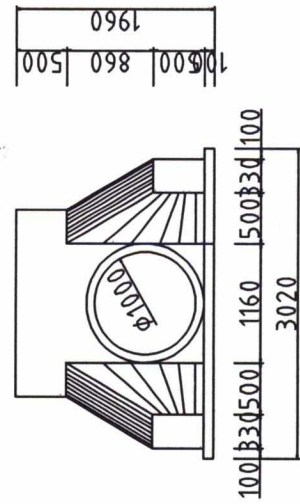
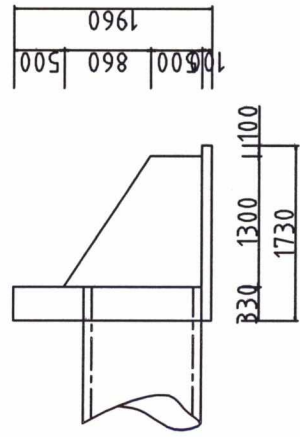
BẢNG THÔNG KÊ THÉP

STT	HÌNH DẠNG KÍCH THƯỚC	Φ (mm)	CHUỖ DÀI 1 THANH (mm)	SỐ THANH 1 CẦU KIỆN	SỐ CẦU KIỆN	TỔNG CHUỖ DÀI (mm)	TỔNG TR. LƯỢNG (kg)
1	800 3800	16	4000	4	2	32000	80.56
2	8 160	6	740	18	2	26640	5.914
3	THÉP HỘP 40x100x14			17386	2	34770	104.426
4	TÔN THƯƠNG LOẠI 11 SÓNG DÀY 0.35						9.4 m ²
5	BÁNH LỀ CỜ						06
6	BÁNH XE						02

CẮT NGANG 3-3



MẶT BẰNG CỐNG TRÒN D1000



CHI TIẾT CÁCH CỐNG XÂY GẠCH

CHI TIẾT CÁCH CỐNG XÂY GẠCH

CHI TIẾT MÓNG CỐNG

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG THI CÔNG CỐNG D1000

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng
1	Làm móng cống bằng CPĐD đầm chặt	m ³	4,77
2	Lắp đặt ống cống D1000, cống ly tâm loại 2,5m/đốt	m	10
3	Bê tông nền, sân cánh cống M200 đá 1x2	m ³	0,851
4	Xây gạch tường cánh cống bằng gạch chỉ đặc VXM mác 100#	m ³	2,709
5	Đắp đất mang cống bằng đầm cóc K=0,9	m ³	77,12